

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy trình xây dựng phương án, dự toán  
áp dụng trong khai thác gỗ rừng trồng do Nhà nước là đại diện  
chủ sở hữu trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý,  
truy xuất nguồn gốc lâm sản;*

*Căn cứ Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06 tháng 7 năm 2005 của  
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành định mức  
kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ  
trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ  
trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ  
thuật và đo bóc khối lượng công trình;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2019  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội  
dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài  
sản cố định;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-  
BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13  
tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử  
dụng và trích khấu hao tài sản cố định;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1393/TTr-SNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình xây dựng phương án, dự toán áp dụng trong khai thác gỗ rừng trồng do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1382/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy trình xây dựng hồ sơ thiết kế, dự toán áp dụng trong khai thác gỗ rừng trồng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Chi cục Kiểm lâm;
- VP: LĐ và các CV: TH, TC, TĐKT;
- Lưu: VT, NN.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Hải Minh**

## QUY TRÌNH

**Xây dựng phương án, dự toán áp dụng trong khai thác gỗ rừng trồng do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**  
(Kèm theo Quyết định số 1745 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy trình này quy định nội dung xây dựng phương án, dự toán áp dụng trong khai thác gỗ rừng trồng (khai thác chính, tận thu, tận dụng và tia thừa rừng) do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Quy trình này áp dụng đối với các chủ rừng là tổ chức có hoạt động liên quan đến khai thác gỗ rừng trồng được quy định tại Điều 1 Quy trình này.

- Khuyến khích các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh áp dụng các quy định tại quy trình này để xây dựng phương án, dự toán khai thác gỗ rừng trồng được đầu tư bằng các nguồn vốn khác.

### Chương II XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC GỖ RỪNG TRỒNG

#### Điều 3. Xây dựng phương án khai thác

1. Phương án khai thác gỗ rừng trồng do chủ rừng tự thực hiện hoặc thuê đơn vị tư vấn thiết kế; đơn vị xây dựng phương án khai thác phải là tổ chức có tư cách pháp nhân theo quy định pháp luật và có hồ sơ năng lực đáp ứng yêu cầu về thiết kế lâm nghiệp.

2. Nội dung thuyết minh phương án khai thác (Chi tiết Phụ lục I kèm theo Quy trình này).

#### Điều 4. Điều tra, tính toán sản lượng dự kiến khai thác

##### 1. Phương pháp điều tra

a) Phân lô thiết kế khai thác trên cơ sở hồ sơ thiết kế trồng rừng hoặc hiện trạng rừng tại thời điểm thiết kế.

- Đường ranh giới tiêu khu, khoảnh và đường lô trong khu khai thác phát rộng từ 0,5÷1,0 m; lô thiết kế có diện tích khai thác tối đa không quá 10 ha, tối thiểu 0,3 ha và nằm trong phạm vi một khoảnh.

- Tại các điểm đường lô giao nhau, đường lô giao với đường khoảnh,

tiểu khu hoặc đường bao khu khai thác, đóng cọc mốc tạm thời bằng gỗ. Kích thước cọc mốc dài 1 m, đường kính từ 10÷15 cm, chôn sâu xuống đất từ 30÷40 cm. Trên cọc mốc ghi kí hiệu tên tiểu khu, khoảnh, lô và diện tích lô thiết kế khai thác.

b) Xác định các chỉ tiêu lâm học chủ yếu để đánh giá hiện trạng rừng thông qua việc lập ô tiêu chuẩn.

- Sử dụng ô tiêu chuẩn bố trí điển hình theo từng trạng thái rừng (loài cây, cấp tuổi), diện tích từ 100 m<sup>2</sup> đến 500 m<sup>2</sup> đối với rừng trồng; hình dạng, kích thước ô tiêu chuẩn (tròn/chữ nhật/vuông) theo điều kiện địa hình, phương thức trồng để bố trí; tỷ lệ diện tích rút mẫu điều tra từ 0,01% đến 0,05%; trong lô khai thác lập tối thiểu 03 ô tiêu chuẩn.

c) Nội dung đo, đếm trong ô tiêu chuẩn

- Chiều cao: Đo chiều dài toàn thân tính từ vị trí gốc cây sát mặt đất đến ngọn chính của cây gỗ, dụng cụ đo là thước Blumleiss, sào đo cao....; đo tất cả cây trong ô tiêu chuẩn, đơn vị đo là mét (m), lấy số nguyên và hai số hàng thập phân sau số hàng đơn vị.

- Đường kính: Đo chu vi để xác định đường kính ở vị trí 1,3 m tính từ mặt cắt ngang của gốc cây; dụng cụ đo là thước thép hoặc thước dây; cấp kính bắt đầu đo từ 6 cm trở lên; đơn vị đo là cm, lấy số nguyên và một số hàng thập phân sau số hàng đơn vị. Tất cả cây gỗ đã đo đường kính được xác định phẩm chất cây theo 03 cấp như sau:

+ Cây phẩm chất A: Cây sinh trưởng tốt, thân thẳng, không sâu bệnh hoặc rỗng ruột, khả năng lợi dụng gỗ >80-90% thể tích thân cây.

+ Cây phẩm chất B: Cây sinh trưởng trung bình, có thể có u bướu hoặc một số khuyết tật nhỏ nhưng không đáng kể, khả năng lợi dụng gỗ từ 60-80% thể tích thân cây.

+ Cây phẩm chất C: Cây sinh trưởng kém, cong queo, sâu bệnh, cụt ngọn, rỗng ruột, gãy đổ do lốc xoáy, gió bão khả năng lợi dụng gỗ <60% thể tích thân cây.

- Độ tàn che: Xác định gián tiếp thông qua mục trắc đường kính tán lá của cây trồng và mật độ hiện tại trong ô tiêu chuẩn.

2. Phương pháp xác định mật độ, khối lượng cây thân gỗ

a) Số cây bình quân trên ha, công thức tính:

$$N = \frac{\sum N_{\text{ôtc}} \times 10.000}{\sum S_{\text{ôtc}}}$$

Trong đó:

$N_{\text{ôtc}}$ : Số cây trong ô tiêu chuẩn.

$S_{\text{ôtc}}$ : Diện tích ô tiêu chuẩn.

b) Khối lượng được xác định theo thể tích cây gỗ, công thức tính:

$$V = (C_{1.3}^2 / 4\pi) \times H_{\text{vn}} \times f$$

Trong đó:

V: Khối lượng gỗ được tính bằng thể tích ( $\text{m}^3$ ) lấy số nguyên và ba số thập phân sau số hàng đơn vị.

$C_{1.3}$ : Chu vi tại vị trí 1.3 của cây (m).

$\pi$ : Hằng số pi ( $\pi=3,14$ ).

$H_{\text{vn}}$ : Chiều dài toàn cây đo từ gốc đến ngọn (m).

f: Hình số thân cây (cây rừng trồng giá trị của f bằng 0,5).

### 3. Phương pháp tính toán sản lượng dự kiến

a) Đối với gỗ Keo các loại

- Sản lượng gỗ dự kiến:

+ Sản lượng gỗ cây loại a: Tính bằng 85% sản lượng cây đứng loại A.

+ Sản lượng gỗ cây loại b: Tính bằng 70% sản lượng cây đứng loại B.

+ Sản lượng gỗ cây loại c: Tính bằng 50% sản lượng cây đứng loại C.

- Sản lượng gỗ gia dụng: Tính bằng sản lượng gỗ dự kiến lấy ra của cây có  $D_{1,3m}$  từ 16 cm trở lên, tỷ lệ lợi dụng được xác định như sau:

Cấp kính ( $D_{1.3}$ )	Tỷ lệ gỗ gia dụng tương ứng $D_{\text{dn}} \geq 16$ cm (%)
<16	0
từ 16 đến <18	10
từ 18 đến <22	50
từ 22 đến <26	65
$\geq 26$	79

*Ký hiệu  $D_{\text{dn}}$ : Đường kính đầu nhỏ*

- Sản lượng gỗ nguyên liệu: Sản lượng gỗ dự kiến - Sản lượng gỗ gia dụng.

- Sản lượng củi: Tính bằng 10% sản lượng cây đứng.

- Tỷ trọng quy đổi:  $1 \text{ m}^3 = 1.000 \text{ kg}$ .

b) Đối với gỗ Thông

- Sản lượng gỗ dự kiến được tính như cách tính sản lượng gỗ Keo nhưng không phân theo cấp kính và gỗ nguyên liệu.

- Tỷ trọng quy đổi:  $1 \text{ m}^3 = 1.000 \text{ kg}$ .

## Chương III

### XÂY DỰNG DỰ TOÁN KHAI THÁC GỖ RỪNG TRỒNG

#### Điều 5. Xây dựng dự toán khai thác

1. Việc xây dựng dự toán khai thác gỗ rừng trồng do chủ rừng tự lập hoặc

đơn vị tư vấn thiết kế được chủ rừng thuê xây dựng phương án khai thác thực hiện.

2. Nội dung thuyết minh dự toán khai thác (*Chi tiết Phụ lục II kèm theo Quy trình này*).

### **Điều 6. Dự toán chi phí khai thác**

#### 1. Đơn giá nhân công

Áp dụng Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; Quyết định số 3265/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Định mức các công đoạn khai thác, vận chuyển: Theo Chương IV của Quy trình này.

#### 3. Chi phí quản lý, lập và thẩm tra

##### a) Chi phí lập phương án, dự toán

Áp dụng Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt đơn giá khảo sát thiết kế các công trình lâm sinh và công nghiệp rừng tỉnh Thừa Thiên Huế.

##### b) Chi phí quản lý

Áp dụng khoản 3 Điều 5 Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh để lập chi phí quản lý 3% cho các chủ rừng có hoạt động khai thác gỗ rừng trồng từ nguồn vốn ngân sách.

Chi phí quản lý 3%: Đây là khoản chi phí quản lý khai thác của chủ rừng trước, trong và sau khi kết thúc khai thác, bao gồm:

- Trước lúc khai thác: Lập hợp đồng mua bán và thu nộp đầy đủ giá trị rừng của bên mua vào tài khoản tạm thu của chủ rừng theo giá trị đã đấu giá hoặc theo giá khởi điểm đã được phê duyệt; giao nhận diện tích khai thác trong hồ sơ và ngoài thực địa.

- Trong quá trình khai thác: Bố trí nhân lực giám sát chặt chẽ hoạt động khai thác theo đúng vị trí lô, khoảnh đã cấp phép; ngăn chặn các hành vi xâm hại đến rừng (khai thác ngoài địa danh, đối tượng cây giữ lại, đường vận chuyển mở mới,...); công tác phòng cháy chữa cháy rừng.

- Sau khi kết thúc khai thác: Tổ chức đánh giá, xác định diện tích đã khai thác so với hồ sơ phê duyệt và báo cáo kết quả thực hiện đến cơ quan Kiểm lâm sở tại nơi khai thác.

##### c) Chi phí thẩm tra

Chi phí thẩm tra được áp dụng theo đơn giá thẩm định quy định tại Điều 1

Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc điều chỉnh khoản 3, khoản 4 Điều 1 Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2014 của UBND tỉnh về đơn giá khảo sát thiết kế các công trình lâm sinh và công nghiệp rừng tỉnh Thừa Thiên Huế.

d) Chi phí đấu giá

Áp dụng Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản và Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính.

4. Giá thị trường trong lập dự toán khai thác: Giá hàng hóa, dịch vụ được mua bán trên thị trường tại một thời điểm lập dự toán, gồm có: gỗ gia dụng, gỗ nguyên liệu, vật tư, xăng dầu, cước phí vận tải...

5. Xác định nguồn thu từ khai thác lâm sản

a) Chi phí sản xuất (Chi phí trực tiếp và gián tiếp)

- Chi phí trực tiếp:

+ Chi phí khai thác: Phát thực bì; chặt hạ, cắt khúc; bóc vỏ (nếu có); lao vác và bóc xếp lên xe; mở đường, sửa chữa đường vận chuyển (nếu có)...

+ Chi phí liên quan đến khai thác: Nhiên liệu chặt hạ, cắt khúc; khấu hao cưa xăng; bảo dưỡng, sửa chữa và phụ tùng thay thế...

+ Chi phí vận chuyển: Vận chuyển lâm sản đến nơi tiêu thụ.

- Chi phí gián tiếp:

+ Chi phí lập phương án, dự toán khai thác.

+ Chi phí quản lý, chỉ đạo của chủ rừng.

+ Chi phí thẩm tra phương án.

+ Chi phí thẩm tra dự toán.

+ Chi phí đấu giá.

b) Doanh thu: Tổng giá bán gỗ gia dụng và gỗ nguyên liệu.

c) Giá trị còn lại của lô rừng: Doanh thu - Chi phí sản xuất.

d) Giá khởi điểm của lô rừng: Doanh thu - Chi phí trực tiếp.

## **Chương IV**

### **KHAI THÁC, VẬN CHUYỂN GỖ RỪNG TRỒNG**

#### **Điều 7. Công tác chuẩn bị hiện trường**

##### **1. Phát thực bì**

### a) Nội dung công việc

Sau khi giao nhận rừng phải luống phát xung quanh cây khai thác hoặc chặt loại bỏ dây leo, cây bụi, cây tái sinh phi mục đích,... trên toàn bộ diện tích cấp phép khai thác. Tùy theo địa hình và thực bì mà có thể sử dụng công cụ thủ công (dao, rựa...) hoặc thiết bị cơ giới để thực hiện; thực bì được phát sát gốc, chiều cao gốc chặt không quá 15 cm, rải đều trên mặt đất để không ảnh hưởng đến quá trình chặt hạ, cắt khúc và gây mất an toàn cho người lao động.

b) Định mức và cấp bậc công việc: *(Chi tiết Phụ lục III kèm theo Quy trình này).*

## 2. Dự kiến đường vận xuất, vận chuyển

### a) Yêu cầu kỹ thuật

- Đường vận xuất, vận chuyển chỉ cần xây dựng đơn giản, bề rộng nền đường bình quân 3 m, bán kính đường cong đủ an toàn cho xe di chuyển trong quá trình vận chuyển lâm sản; khối lượng đào đắp, chi phí xây dựng đường phải là nhỏ nhất; nền đường đảm bảo tính ổn định, giảm thiểu tác động môi trường, nguồn nước, xói mòn đất...

- Hệ thống đường vận xuất, vận chuyển dự kiến được thể hiện trên bản đồ, đánh dấu hướng tuyến ngoài thực địa và thống kê trong phương án khai thác.

### b) Xây dựng dự toán đường vận xuất, vận chuyển

Trong quá trình thiết kế phải dựa vào hệ thống đường có sẵn, đường bị bỏ hoang không sử dụng, đường mòn để hạ giá thành; lựa chọn phương án tuyến hợp lý, sao cho vừa đạt hiệu quả kinh tế cao nhất, vừa hạn chế khối lượng đào đắp, chi phí xây dựng đường và các công trình là nhỏ nhất.

c) Định mức và cấp bậc công việc: *(Chi tiết Phụ lục III kèm theo Quy trình này).*

## 3. Sửa chữa đường vận xuất, vận chuyển

### a) Yêu cầu công việc

- Khắc phục những hư hỏng của mặt đường có sẵn (đường lâm sinh, đường khai thác, đường phòng cháy chữa cháy rừng) như: bù đắp thêm vật liệu vào những vị trí mặt đường bị lún, sụt, gia cố mái ta luy, nạo vét rãnh thoát nước,...; hệ thống đường vận xuất, vận chuyển sửa chữa phải được thể hiện trên bản đồ, đánh dấu ngoài thực địa và thống kê trong phương án khai thác.

- Xác định khối lượng vật liệu đào đắp để san gạt tạo mặt đường cho xe vận xuất, vận chuyển lâm sản lưu thông, bề rộng mặt đường sửa chữa bình quân 3 m.

b) Định mức và cấp bậc công việc: *(Chi tiết Phụ lục III kèm theo Quy trình này).*

## **Điều 8. Công tác khai thác gỗ rừng trồng**

### 1. Chặt hạ, cắt khúc bằng cơ giới



a) Nội dung công việc

Căn cứ hướng đồ để xác định thứ tự chặt hợp lý, bảo đảm an toàn cho người lao động, không gây tác hại đến cây giữ lại, tuyến đường vận xuất và tác động môi trường; chiều cao gốc chặt càng thấp càng tốt và không quá 2/3 đường kính gốc cây chặt; cắt khúc từ gốc đến ngọn ngay sau khi cắt cành ngọn; quy cách sản phẩm theo hợp đồng mua bán.

b) Công cụ khai thác

Cưa xăng Culloch - 250 hoặc loại cưa có chức năng tương đương trên thị trường; cưa xăng phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật khi hoạt động và trang bị đủ dụng cụ để sửa chữa vặt trong quá trình làm việc; định kỳ phải thực hiện chế độ bảo dưỡng các chi tiết như: xích cưa, burli, côn, quạt gió tản nhiệt...

c) Định mức công lao động

Trong khai thác gỗ, ngoài chi phí trực tiếp chi trả nhân công chặt hạ, cắt khúc cần phải tính thêm chi phí gián tiếp có liên quan như: khấu hao cưa máy, bảo dưỡng và vật tư sửa chữa (lam cưa, dũa cưa, xích cưa...), nhiên liệu (xăng, dầu nhớt)... (*Chi tiết Phụ lục III kèm theo Quy trình này*).

2. Bóc vỏ thân cây

a) Nội dung công việc

Gỗ sau khi chặt hạ, cắt khúc sẽ được thu gom về bãi tập kết của khu khai thác; tiến hành bóc vỏ sản phẩm gỗ dùng làm nguyên liệu giấy, ván nhân tạo (ván dăm, ván sợi)...

b) Công cụ bóc vỏ: Sử dụng rựa, dao... để đập hoặc bóc vỏ ra từng mảng lớn, trường hợp khó bóc thì phải vạc từng miếng.

c) Định mức công lao động: Đối tượng lao động giản đơn (*Chi tiết Phụ lục III kèm theo Quy trình này*).

3. Lao gỗ hoặc vác gỗ

a) Nội dung công việc

Lao gỗ hoặc vác gỗ đến bãi tập kết để kết thuận lợi cho việc bóc xếp gỗ lên xe, quá trình thực hiện cần đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và quy định về an toàn lao động.

- Lao gỗ: Lợi dụng địa hình có độ dốc lớn  $>30^{\circ}$ , gỗ được lao từ trên sườn núi xuống chân núi hoặc đường nhánh.

- Vác gỗ: Nơi địa hình tương đối bằng phẳng hoặc có độ dốc  $\leq 30^{\circ}$ , gỗ được vác từ trong lô rừng ra đến bãi tập kết bên đường.

b) Định mức công lao động: Đối tượng lao động giản đơn (*Chi tiết Phụ lục III kèm theo Quy trình này*).

**Điều 9. Vận chuyên gỗ khai thác**

1. Bóc xếp gỗ lên xe

a) Nội dung công việc

Tùy theo công nghệ thiết bị, đối tượng sản xuất mà có các phương pháp bóc xếp thủ công hoặc cơ giới; gỗ sau khi bóc vỏ và gom tại bãi tập kết ở đường nhánh được bóc xếp lên xe và xếp gọn gàng, chằng chéo trước khi xe vận chuyển rời khỏi bãi gom.

b) Định mức công lao động: (*Chi tiết Phụ lục III kèm theo Quy trình này*).

2. Vận chuyển gỗ đến nơi tiêu thụ

Sau khi rời khỏi bãi gom, gỗ được xe vận chuyển đến cơ sở tiêu thụ; phương pháp tính cước vận tải được phân theo loại đường từ bãi gom đến nơi tiêu thụ.

## Chương V

### PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN, DỰ TOÁN KHAI THÁC

#### **Điều 10. Thẩm tra phương án, dự toán khai thác**

Sau khi xây dựng phương án, dự toán khai thác gỗ rừng trồng; chủ rừng thuê đơn vị tư vấn độc lập thẩm tra phương án, dự toán khai thác.

1. Thẩm tra phương án

a) Đơn vị thẩm tra: Phải là tổ chức có đủ tư cách pháp nhân theo quy định pháp luật, có hồ sơ năng lực đáp ứng yêu cầu về thiết kế lâm nghiệp và phải độc lập với đơn vị xây dựng phương án khai thác.

b) Nội dung thẩm tra

- Thẩm tra ngoại nghiệp, nội nghiệp, thành quả phương án khai thác do chủ rừng hoặc đơn vị tư vấn thiết kế xây dựng.

- Khối lượng thẩm tra ngoại nghiệp: Số lô thiết kế dưới 5 lô, rút ngẫu nhiên 01 lô để thẩm tra; số lô thiết kế từ 5-10 lô, rút ngẫu nhiên 02 lô để thẩm tra; số lô thiết kế từ 11-20 lô, rút ngẫu nhiên 03 lô để thẩm tra; số lô thiết kế trên 20 lô, rút ngẫu nhiên 04 lô để thẩm tra.

- Sai số giữa thiết kế và thẩm tra: Sai số diện tích  $\pm 5\%$ ; sai số trữ sản lượng trong ô mẫu thẩm tra  $\pm 10\%$ .

2. Thẩm tra dự toán

Trên cơ sở khối lượng, định mức kinh tế kỹ thuật các bước công việc được quy định và đơn giá thị trường tại thời điểm. Đơn vị tư vấn độc lập thẩm tra tính chính xác dự toán khai thác về phương pháp tính toán và giá trị dự toán.

#### **Điều 11. Phê duyệt phương án, dự toán khai thác**

Chủ rừng nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế. Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị phê duyệt phương án, dự toán khai thác của chủ rừng.

- Phương án, dự toán khai thác gỗ rừng trồng (gồm có: Thuyết minh

phương án, dự toán khai thác; bản đồ khu vực khai thác; báo cáo kết quả thẩm tra phương án, dự toán khai thác; 03 báo giá của đơn vị thu mua gỗ hoặc chứng thư thẩm định giá).

- Các văn bản liên quan (nếu có): Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; quyết định phê duyệt dự án lâm sinh; chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt,...

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận xem xét tính hợp lệ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm phối hợp phòng Kế hoạch Tài chính Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra sự phù hợp của hồ sơ để tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt phương án, dự toán khai thác; đồng thời tham mưu văn bản gửi Sở Tài chính đề nghị thẩm định giá khởi điểm đấu giá rừng trồng; trường hợp không phê duyệt, thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### **Điều 12. Thẩm định giá và phê duyệt giá khởi điểm**

Chủ rừng nộp 01 bộ hồ sơ về Sở Tài chính. Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị thẩm định giá khởi điểm đấu giá rừng trồng của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Quyết định phê duyệt phương án, dự toán khai thác gỗ rừng trồng (kèm thuyết minh phương án, dự toán khai thác; bản đồ khu vực khai thác; báo cáo kết quả thẩm tra phương án, dự toán khai thác; 03 báo giá của đơn vị thu mua gỗ hoặc chứng thư thẩm định giá và các văn bản liên quan).

Sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính thẩm định giá khởi điểm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá khởi điểm để chủ rừng tổ chức bán đấu giá tài sản theo quy định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

## **Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 13. Trách nhiệm Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1. Tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy trình này trên địa bàn tỉnh.

2. Phê duyệt phương án, dự toán khai thác gỗ rừng trồng.

3. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Thông tư số 17/2020/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chế độ báo cáo thống kê ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

### **Điều 14. Trách nhiệm Sở Tài chính**

Thực hiện thẩm định giá khai thác gỗ rừng trồng do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá khởi điểm theo quy định.

### **Điều 15. Trách nhiệm của Chi cục Kiểm lâm**

1. Tiếp nhận hướng dẫn thành phần hồ sơ theo quy định; phối hợp phòng Kế hoạch Tài chính Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra sự phù hợp của phương án, dự toán khai thác để tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt.

2. Thực hiện trách nhiệm theo quy định Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản và Thông tư số 12/2019/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về thống kê ngành lâm nghiệp.

### **Điều 16. Trách nhiệm cơ quan Kiểm lâm sở tại**

Thực hiện trách nhiệm theo quy định Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản và Thông tư số 12/2019/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về thống kê ngành lâm nghiệp.

### **Điều 17. Trách nhiệm của chủ rừng**

1. Thực hiện theo đúng, trình tự thủ tục về khai thác gỗ rừng trồng quy định tại Quy trình này và Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của phương án, dự toán khai thác và những văn bản liên quan do mình xây dựng.

3. Thường xuyên theo dõi, giám sát quá trình khai thác để phát hiện sai sót và xử lý kịp thời đối tượng vi phạm; hướng dẫn đơn vị khai thác thực hiện theo đúng phương án, dự toán được duyệt.

4. Tổ chức kiểm tra khi kết thúc từng hạng mục công việc trong khai thác như: bàn giao hồ sơ và khu rừng khai thác ngoài thực địa, luồng phát thực bì, mở đường vận xuất, vận chuyển, cây bài chặt tia thưa... (sau khi kiểm tra phải lập biên bản để theo dõi).

### **Điều 18. Trách nhiệm đơn vị tư vấn thiết kế**

1. Căn cứ nội dung Quy trình để xây dựng phương án, dự toán khai thác gỗ rừng trồng.

2. Đơn vị tư vấn thiết kế chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của phương án, dự toán khai thác do mình xây dựng.

### **Điều 19. Trách nhiệm đơn vị thẩm tra**

1. Căn cứ phương án, dự toán khai thác của chủ rừng hoặc đơn vị tư vấn thiết kế xây dựng. Đơn vị thẩm tra kiểm tra hồ sơ phương án, dự toán khai thác; kiểm tra thực địa; lập báo cáo kết quả thẩm tra làm cơ sở để chủ rừng trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

2. Đơn vị thẩm tra chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của phương án, dự toán khai thác do mình thẩm tra.

**Điều 20. Điều khoản thi hành**

1. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy trình, nếu có vướng mắc phát sinh các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn áp dụng tại Quy trình này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì đơn vị xây dựng phương án, dự toán khai thác gỗ rừng trồng áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.

# Phụ lục I

## THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC

### I. Căn cứ pháp lý

### II. Nội dung thuyết minh

#### 1. Nguồn gốc hình thành khu rừng

- Diện tích quản lý theo hồ sơ trồng rừng.
- Nguồn vốn đầu tư, năm trồng, loài cây trồng, mật độ trồng, phương thức trồng.

#### 2. Mục đích khai thác

- Khai thác để trồng lại rừng; chuyển mục đích sử dụng rừng; giao đất cho địa phương; tận thu lâm sản do cháy rừng, sâu bệnh hại, gãy đổ do thiên tai...

#### 3. Đánh giá tác động về kinh tế, xã hội và môi trường

#### 4. Xác định địa danh, diện tích

##### 4.1. Vị trí, địa danh

- Xác định vị trí bằng máy định vị GPS, đo vẽ đóng mốc lô, khoảnh, tiểu khu. Lập bản đồ tỷ lệ 1: 5.000 hoặc 1/10.000 và tính toán diện tích khu khai thác.

##### 4.2. Diện tích thiết kế khai thác

- Diện tích tự nhiên: ha.
- Diện tích trừ bỏ: ha.
- Diện tích quản lý: ha.
- Diện tích không thành rừng (nếu có): ha.
- Diện tích khai thác: ha.

Trong đó:

- + Diện tích có sản lượng: ha.
- + Diện tích không có sản lượng: ha.

*(Có biểu chi tiết kèm theo)*

#### 5. Phương thức và loài cây khai thác

#### 6. Điều kiện tự nhiên khu vực khai thác

##### 6.1. Địa hình

- Dạng địa hình (đồi núi cao, đồi núi trung bình, đồi núi thấp).
- Mức độ chia cắt của địa hình (chia cắt mạnh, trung bình, yếu).
- Mô tả độ dốc.

6.2. Thổ nhưỡng: Mô tả các loại đất trong khu vực theo nguồn gốc hình thành từ đá mẹ.

6.3. Khí hậu thủy văn: Ghi các thông tin về nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa,...

6.4. Giao thông: Đặc điểm hiện trạng các loại đường trên địa bàn, khả năng sử dụng để đáp ứng nhu cầu khai thác vận chuyển lâm sản.

### 7. Hiện trạng khu rừng

- Sinh trưởng phát triển thực bì dưới tán rừng, chiều cao (m), độ che phủ, xếp loại cấp thực bì.
- Mật độ cây trồng hiện còn.
- Đánh giá tình hình sinh trưởng rừng trồng.
- Chức năng rừng đưa vào khai thác.

Thông kê mật độ bình quân trên diện tích khai thác

Năm trồng	Loài cây	Diện tích (ha)	Mật độ ban đầu (cây/ha)		Mật độ hiện còn (cây/ha)	
			Keo	Bản địa	Keo	Bản địa
Tổng						

(Có biểu chi tiết kèm theo)

### III. Tính toán sản lượng dự kiến khai thác

#### 1. Phương pháp điều tra và tính toán sản lượng dự kiến

#### 2. Kết quả điều tra và tính toán sản lượng dự kiến

##### 2.1. Kết quả điều tra các chỉ tiêu lâm học

Các chỉ tiêu bình quân cây tham gia tính sản lượng ( $D_{1.3} \geq 6$  cm)

Năm trồng	Diện tích khai thác (ha)	Các chỉ tiêu bình quân cây tham gia tính sản lượng ( $D_{1.3} \geq 6$ cm)			
		N/ha (cây)	D (cm)	H (m)	M/ha ( $m^3$ )
Tổng					

(Có biểu chi tiết kèm theo)

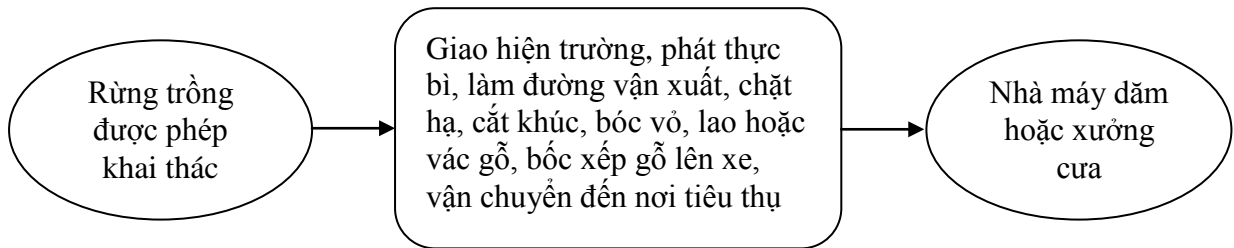
##### 2.2. Sản lượng dự kiến khai thác

- Tổng sản lượng cây đứng:  $m^3$ .
- Tổng sản lượng thương phẩm:  $m^3$ .
- + Gỗ:  $m^3$ .
- + Củi:  $m^3$ .
- Phân loại sản lượng gỗ theo thành phẩm
  - + Gỗ nguyên liệu dăm:  $m^3$ .
  - + Gỗ gia dụng:  $m^3$ .

(Có biểu chi tiết kèm theo)

### 3. Các bước công việc trong khai thác

#### 3.1. Các bước công việc (sơ đồ sản xuất)



#### 3.2. Biện pháp kỹ thuật

### 4. Hệ thống đường vận xuất, vận chuyển

- Dựa vào thực địa, loại thiết bị vận chuyển để dự kiến tuyến đường vận xuất, vận chuyển nhằm hạ giá thành và giảm thiểu tác động môi trường; bảo đảm hiệu quả kinh tế cao nhất, theo nguyên tắc kéo dài đường vận chuyển hợp lý, rút ngắn cự ly.

- Dự kiến đường mở mới, sửa chữa với chiều dài: m.
- + Bề rộng mặt đường: m.
- + Khối lượng tính toán: m<sup>3</sup>

*(Có biểu chi tiết kèm theo)*

### 5. Biện pháp bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng

### 6. Công tác kiểm tra, giám sát

## IV. Phương án phát triển rừng sau khai thác

- Xây dựng phương án trồng lại rừng sau khai thác (*bao gồm: xác định loài cây, mật độ, phương thức trồng...*).

- Khái toán vốn đầu tư.

## V. Kết luận



## **Phụ lục II**

# **THUYẾT MINH DỰ TOÁN KHAI THÁC**

### **I. Căn cứ pháp lý**

### **II. Nội dung thuyết minh**

#### **1. Diện tích khai thác, sản lượng gỗ**

#### **2. Dự kiến đường vận xuất, vận chuyển**

- Đường mở mới.

- Đường sửa chữa.

#### **3. Cụ ly vận chuyển máy đến hiện trường khai thác: Ghi rõ loại đường.**

**4. Cụ ly vận chuyển gỗ đến nơi tiêu thụ: Ghi rõ loại đường và loại lâm sản vận chuyển.**

#### **5. Dự toán chi tiết**

### **III. Kết luận**

## Phụ lục III

### ĐỊNH MỨC CÔNG VIỆC TRONG KHAI THÁC GỖ

#### I. THANG LƯƠNG CÔNG NHÂN

Thang lương 7 bậc (Bảng số 4.3, Phụ lục IV, Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Bậc/hệ số công nhân	I	II	III	IV	V	VI	VII
Hệ số lương (Nhóm I, II, III)	1,0	1,18	1,39	1,65	1,94	2,30	2,71
Hệ số lương (Nhóm IV)							
- Vận hành máy, thiết bị thi công xây dựng	1,0	1,18	1,39	1,65	1,94	2,30	2,71
- Lái xe các loại	1,0	1,18	1,40	1,65			

#### II. ĐỊNH MỨC TRONG KHAI THÁC GỖ

##### 1. Phát thực bì

Áp dụng định mức 38/2005/QĐ-BNN ngày 6 tháng 7 năm 2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Mức lao động: đồng định mức 117; bậc thợ: bậc 3; nhóm 1; hệ số 1,39.

##### 2. Khai thác gỗ bằng cưa xẻng

Áp dụng định mức 400/LĐ-QĐ ngày 26 tháng 4 năm 1982 của Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Bảng mức số 03: Chặt hạ, cắt khúc gỗ thân tại rừng bằng cưa xẻng Culloch-250 hoặc loại cưa có chức năng tương đương (không áp dụng hệ số điều chỉnh khi chặt hạ).

Số thứ tự dòng (ĐM 400)	Đơn vị tính	Mức lao động	Bậc thợ	Nhóm II Hệ số lương
37	công/m <sup>3</sup>	0,228	4	1,65

##### 3. Bóc vỏ thân cây

Áp dụng định mức 400/LĐ-QĐ ngày 26 tháng 4 năm 1982 của Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Bảng mức số 10: Bóc vỏ thân cây.

Số thứ tự dòng (ĐM 400)	Nhóm gỗ	Đường kính bình quân khúc gỗ (cm)	Mức lao động (công/m <sup>3</sup> )	Bậc thợ	Nhóm II Hệ số lương
133	Bóc vỏ bình thường	Từ 30 trở xuống	0,158	1	1,0
		Trên 30 đến 40	0,126	1	1,0

##### 4. Lao gỗ, vác gỗ

Áp dụng định mức 400/LĐ-QĐ ngày 26 tháng 4 năm 1982 của Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Bảng mức số 21: Lao gỗ và vác gỗ trụ mỏ.

Số thứ tự dòng (ĐM 400)	Nội dung công việc	Cự ly lao, vác	Mức lao động (công/m <sup>3</sup> )	Bậc thợ	Nhóm II Hệ số lương
210	Lao gỗ	Từ 50m trở xuống	0,086	2	1,18
		Trên 50m - 100m	0,145		
		Trên 100m - 200m	0,252		
		Trên 200m - 300m	0,399		
		Trên 300m	0,551		
211	Vác gỗ	Từ 50m trở xuống	0,121	2	1,18
		Trên 50m - 100m	0,161		
		Trên 100m - 200m	0,237		
		Trên 200m - 300m	0,342		
		Trên 300m	0,443		

### 5. Bốc xếp gỗ lên xe

Áp dụng Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (Chương 12, Phụ lục II, Định mức xây dựng dự toán công trình).

Mã hiệu	Đơn vị tính	Mức lao động	Bậc thợ	Nhóm I Hệ số lương
AM.1125	công/m <sup>3</sup>	0,14	3	1,39

## III. ĐỊNH MỨC CÔNG VIỆC TRONG XÂY DỰNG CƠ BẢN

### 1. Mở đường vận xuất, vận chuyển

- Đào đất bằng máy trong phạm vi quy định, bạt vỡ mái taluy, hoàn thiện theo đúng yêu cầu kỹ thuật. Áp dụng mã định mức AB.3212, Chương 2, Phụ lục II, Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng.

### 2. Sửa chữa đường vận xuất, vận chuyển

- Đào san đất tạo mặt bằng bằng máy ủi trong phạm vi quy định; bảo đảm mặt bằng theo yêu cầu kỹ thuật. Áp dụng mã định mức AB.2212, Chương 2, Phụ lục II, Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng.

### 3. Giá ca máy và chi phí vận chuyển máy

#### a) Giá ca máy

- Áp dụng Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 17 tháng 1 năm 2023 của UBND tỉnh về việc công bố Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

#### b) Giá vận chuyển máy đến công trường

- Áp dụng Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh về việc xếp loại đường bộ để xác định cước vận tải năm 2017 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2015 của UBND tỉnh về việc quy định cước vận tải hàng hóa bằng

ôtô trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

#### 4. Các chi phí liên quan đến khai thác

a) Khấu hao cơ sở vật chất: Áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (Mục B.4. Phụ lục I, Khung thời gian trích khấu hao các loại tài sản cố định).

- Thời gian khấu hao bình quân: 10,5 năm.
- Thời gian làm việc 01 năm = 313 ngày (365 ngày/năm - 52 ngày chủ nhật).
- Năng suất máy:  $0,228 \text{ công/m}^3 \Rightarrow 4,40 \text{ m}^3/\text{ca}$ .
- Tổng sản lượng cơ sở vật chất hoạt động trong 10,5 năm:  $313 \text{ ngày} * 10,5 \text{ năm} * 4,40 \text{ m}^3 = 14.460 \text{ m}^3$ .
- Giá cơ sở vật chất tại thời điểm 2023: Từ 4 - 8 triệu đồng.
- Bình quân 01  $\text{m}^3$  gỗ khấu hao cơ sở vật chất:  $6.000.000 \text{ đồng} / 14.460 \text{ m}^3 = 415 \text{ đồng/m}^3$ .

b) Bảo dưỡng và sửa chữa thường xuyên + phụ tùng thay thế: Bao gồm sửa chữa thay thế thường xuyên các phụ tùng như xích cơ, lam cơ, bugi, vít đánh lửa... và những hư hỏng nhỏ khác.

- Số tiền mua sắm các thiết bị, phụ tùng thay thế trong 01 năm: Từ 400.000 đồng/năm - 450.000 đồng/năm.

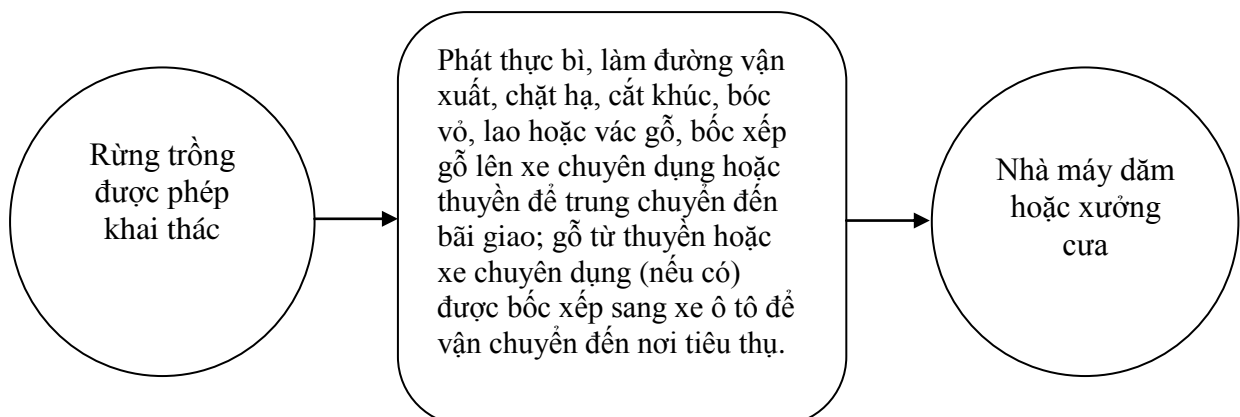
- Bình quân mỗi năm máy cơ sở vật chất sẽ cơ sở vật chất được theo năng suất dự kiến:  $1.400 \text{ m}^3$  ( $313 \text{ ngày} * 4,40 \text{ m}^3 = 1.400 \text{ m}^3$ ).

- Bình quân 01  $\text{m}^3$  gỗ có chi phí sửa chữa thường xuyên:  $425.000 \text{ đồng} / 1.400 \text{ m}^3 = 304 \text{ đồng/m}^3$ .

c) Nhiên liệu sử dụng: Nhiên liệu dùng cho máy cơ sở vật chất chủ yếu là xăng. Qua khảo sát thực tế việc khai thác gỗ rừng trồng mỗi lít xăng khi chặt hạ, cắt khúc tiêu hao  $6,0 \text{ m}^3/\text{lít}$  (gỗ rừng trồng); giá xăng trong lập dự toán được xác định theo giá tại thời điểm do Nhà nước quy định.

#### IV. TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC TÍNH THÊM CHI PHÍ KHAI THÁC

1. Khai thác gỗ rừng trồng trong điều kiện địa hình hiểm trở độ dốc  $>30^\circ$  phải trung chuyển gỗ bằng xe chuyên dụng hoặc không thể mở đường, vận chuyển được do gặp sông, suối, hồ chứa thủy điện hoặc thủy lợi thì được tính thêm vào dự toán các công đoạn sau:



a) Bốc xếp gỗ lên thuyền hoặc lên xe chuyên dụng để trung chuyển đến nơi xe vận chuyển được về nhà máy.

- Áp dụng công đoạn bốc xếp gỗ lên xe (Mục II.5, Phụ lục 3): Bậc thợ 3,0/7; mức lao động 0,14 công/m<sup>3</sup>; nhóm I; hệ số 1,39.

b) Vận xuất gỗ bằng máy kéo hoặc xe chuyên dụng

Trong điều kiện địa hình hiểm trở, độ dốc >30<sup>0</sup>, gỗ được tập kết ở bãi gom nhưng không thể đưa xe vận chuyển vào để vận chuyển gỗ đến nơi tiêu thụ thì được tính thêm chi phí vận xuất gỗ từ bãi gom đến bãi giao trong xây dựng dự toán, bình quân từ 4-5m<sup>3</sup>/chuyến.

- Đơn giá vận xuất: Áp dụng loại đường >5, cự ly theo thực tế (Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2015 của UBND tỉnh về việc quy định cước vận tải hàng hóa bằng ô tô trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế).

c) Vận chuyển gỗ bằng đường thủy: Áp dụng cước phí vận tải đường thủy; trường hợp nơi vận chuyển gỗ chưa quy định cước phí vận tải đường thủy thì sử dụng Chứng thư thẩm định giá của đơn vị có chức năng thẩm định giá được cơ quan Nhà nước cấp phép theo quy định.